TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày 25/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hường

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hữu Ái– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2025/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 03 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn N, tên gọi khác: không, sinh ngày 24/11/2003 tại tỉnh Đăk Nông; nơi ĐKNKTT: thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông; nơi ở hiện nay thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Đ (đã chết), con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1982; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định số 27/QĐ-XPHC, ngày 04/8/2021 của Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau bằng hình thức: phạt tiền, đã được xoá tiền sự; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/12/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại nhà tạm giữ khu vực C. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lục Đức Q, tên gọi khác: không, sinh ngày 23/12/2005 tại tỉnh Đăk Nông; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lục Đức T, sinh năm 1985

và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Nông Văn D, sinh năm 1990; địa chỉ: số B T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Chợ C, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 18/10/2024, Lê Văn N rủ Lục Đức Q đến công ty H2 ở số B T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông lấy căn cước công dân của N để ở công ty thì Q đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 48AC-019.38 chở Q đi từ thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông đến trước cổng công ty H2 rồi nói Q đứng ngoài đường đợi. N đi vào trong công ty vào phòng ngủ tìm nhưng không thấy căn cước công dân nên đi qua phòng của Nông Văn D là lái xe của công ty để hỏi. Thấy cửa phòng không khóa, ông D đang ngủ nên N đi vào thì thấy ở đầu giường có một điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu đen, một ví da màu nâu. Lúc này, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã lén lút lấy trộm điện thoại và ví da của ông D rồi đi ra ngoài xe chỗ Q đợi. N nói với Q không tìm thấy căn cước công dân nhưng lấy trộm được điện thoại và ví da của ông D, xe mô tô lúc này hết xăng nên Q phải dắt bộ về hướng huyện Đ, tỉnh Đăk Nông để tìm cây xăng. Khi đang đi trên đường, thì N đưa cho Q điện thoại trộm cắp được và nói Q cầm giúp, lúc này Q đang dắt xe nên bỏ điện thoại N đưa vào túi áo khoác rồi dắt xe đi tiếp, N đi bộ ngay phía sau Q rồi mở ví da kiểm tra thấy bên trong có 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nông Văn D và số tiền 25.000 đồng. N lấy tiền và giấy tờ ra cất vào người còn ví da thì vứt ở dọc đường đi, sau đó N lấy lại chiếc điện thoại vừa đưa Q cầm giúp, còn Q tiếp tục dắt xe đến cây xăng. Khi đi tới nơi thì cây xăng chưa mở cửa nên N và Q vào quán cà phê V đối diện cây xăng nằm nghỉ. Lúc này, N lấy điện thoại trộm cắp được ra sử dụng do từng đi làm cùng ông D và biết mật khẩu của điện thoại nên N đã vào phần mềm zalo có tên "văndu" của ông D nhắn tin cho một số người bạn trong zalo của ông D với nội dung "chuyển cho anh mượn đỡ 2.000.000đ, anh đang có việc gấp, sáng mai anh trả sớm" mục đích giả danh ông D để chiếm đoạt tiền của người khác. Khoảng 02 giờ 45 phút cùng ngày, Hoàng Thị

H nghĩ là ông D nhắn tin mượn tiền nên đã chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng theo hình ảnh QR CODE mà N đã gửi qua zalo cho H đến tài khoản số 01121419918855 mang tên Hoàng Ngọc H1. Sau khi chuyển khoản thành công H đã chụp hình gửi qua zalo để N xác nhận thông tin, lúc này số tiền trên được chuyển vào tài khoản game của N, sau đó N sử dụng số tiền vào chơi game hết. Q nằm ở võng gần chỗ N nên biết việc N sử dụng zalo của ông D nhắn tin mượn tiền người khác để nạp vào tài khoản game chơi nhưng không tham gia hay phản đối việc làm của N. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, N đưa cho Q số tiền 25.000 đồng và nói lấy trộm được của ông D để Q đi đổ xăng. Sau khi đổ xăng, N chở Q về nhà N ở thôn N, xã N, huyện K, về đến nhà N tháo sim trên điện thoại trộm cắp ra cất đi rồi đưa điện thoại cho Q nói đem đi bán thì Q đồng ý. Q điều khiển xe mô tô BKS 48AC-019.38 mang chiếc điện thoại di động trên đến cửa hàng điện thoại di động Anh Văn ở thôn N, xã N, huyện K để bán, nhưng do không biết mật khẩu Icloud của điện thoại nên chủ cửa hàng không mua. Sau đó, Q mang điện thoại về nhà N và nói không bán được, lúc này điện thoại hiển thị cảnh báo bị mất trộm trên màn hình nên N nói Q mang điện thoại di động và đưa các giấy tờ của ông D cho Q đem đi vứt. Q cầm điện thoại cùng giấy tờ của ông D đi đến cầu N thuộc thôn N, xã N, huyện K rồi ném chiếc điện thoại xuống dưới suối cầu N, còn giấy tờ thì ném trên bờ suối rồi đi về nhà N. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày thì Nông Văn D phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo đến cơ quan Công an huyện C để giải quyết. Sau đó, Công an đã triệu tập N, Q đến làm việc thì cả hai thừa nhận toàn bộ hành vi như nêu trên, đồng thời Q đã đưa Công an đến nơi ném chiếc điện thoại cùng toàn bộ giấy tờ mà Nam trộm cắp của Nông Văn D ở cầu N, Công an đã thu giữ được các giấy tờ tùy thân của D tại đây.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax màu đen, không bị bể vỡ, dung lượng 64GB, số sê ri: FCHC80HGN70C, số IMEI: 353899109443224, đã qua sử dụng. Giá trị thiệt hại của tài sản bị xâm hại vào ngày 18/10/2024 là 6.666.000đ (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Đối với 01 (một) ví da màu nâu, 01 (một) ốp bảo vệ điện thoại Iphone 11 Promax bằng nhựa trong suốt, do hai tài sản trên đã sử dụng lâu, giá trị nhỏ, người bị hại không có hóa đơn mua bán, tài sản không thu giữ được nên Hội đồng định giá không định giá đối với các tài sản này.

Vật chứng của vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện C thu giữ:

- 01 (một) căn cước công dân số 066030010282 cấp ngày 10/05/2021 mang tên Nông Văn D;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 640149000509 cấp ngày 23/01/2024 mang tên Nông Văn D;

- 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số 6622361473 mang tên Nông Văn D;

- 01 (một) thẻ sim điện thoại vinaphone, trên thẻ sim có dòng chữ và số: "898402000", "Vinaphone", "11604535334" do Lê Văn N giao nộp;

- 01 (một) xe mô tô mang BKS 48AC-019.38, màu đỏ bạc, số khung: B4PEHA403707, số máy: 39FMB3403707 do Lê Văn N giao nộp.

Quá trình điều tra, đã xác định: 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế, 01 (một) thẻ sim điện thoại vinaphone là tài sản của Nông Văn D bị mất trộm ngày 18/10/2024. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản trên cho ông D là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với xe mô tô mang BKS 48AC-019.38, đã qua sử dụng là tài sản của bà Nguyễn Thị Kiều . Ngày 18/10/2024, Lê Văn N tự ý lấy xe đi bà K không biết N sử dụng xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản trên cho bà K là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax màu đen, ốp nhựa bảo vệ điện thoại mà Lê Văn N trộm cắp của Nông Văn D. Ngày 18/10/2024, sau khi Lục Đức Q đem đi bán không được thì đã ném điện thoại xuống suối cầu N thuộc thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với ví da màu nâu của ông Nông Văn D thì Lê Văn N đã ném ở đường đi trên Quốc lộ A đường H, CSĐT Công an huyện C đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKS-CJ, ngày 27/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Lục Đức Q về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

Bị cáo Lê Văn N phải chấp hành tổng hình phạt của hai tội là 15 (mười lăm) tháng đến 21 (hai mươi mốt) tháng tù thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, là ngày 31/12/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Đức Q từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại: 01 (một) căn cước công dân số 066030010282, 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 640149000509, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số 6622361473, 01 (một) thẻ sim điện thoại trên thẻ sim có dòng chữ và số: "898402000", "Vinaphone", "11604535334" cho ông Nông Văn D; 01 (một) xe mô tô mang BKS 48AC-019.38, đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị Kiều .

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nông Văn D, bà Hoàng Thị H đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 18/10/2024, tại công ty H2 tại số nhà B T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông, Lê Văn N có hành vi trộm cắp của ông Nông Văn D 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax màu đen, dung lượng 64GB, số sêri: FCHC80HGN70C, số IMEI: 353899109443224, trị giá 6.666.000 đồng, số tiền 25.000 đồng. Tổng giá trị tài sản N trộm cắp là 6.691.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng). Lục Đức Q không hứa hẹn trước mà biết rõ nguồn gốc các tài sản trên là do N trộm cắp mà có nhưng vẫn đem đi tiêu thụ.

Sau khi trộm cắp điện thoại Iphone 11 Promax, Lê Văn N đã vào phần mềm zalo của ông Nông Văn D sau đó giả danh ông D nhắn tin mượn của Hoàng Thị H số tiền 2.000.000 đồng rồi sử dụng vào chơi game trên mạng hết.

Như vậy, xét xử bị cáo Lê Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Lục Đức Q về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là không oan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ……. thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

…"

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ……. thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

…"

Điều 323. Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000

đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[4] Hành vi của bị cáo Lê Văn N đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức việc xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, bản tính lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 6.691.000 đồng và bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là 2.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Đối với hành vi của bị cáo Lục Đức Q mặc dù không hứa hẹn trước nhưng biết rõ nguồn gốc điện thoại Iphone 11 Promax màu đen và số tiền 25.000 đồng (Hai mươi lăm nghìn đồng) là do N trộm cắp mà có nhưng vẫn đem đi tiêu thụ. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo đã đem các tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có đi bán, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Lục Đức Q có nhân thân tốt. Bị cáo Lê Văn N: Ngày 04/8/2021, bị Công an xã N, huyện K xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh nhau, đã được xóa tiền sự.

[6] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Lục Đức Q phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lục Đức Q và áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn N.

[8] Về hình phạt chính: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng một mức án phù hợp với hành vi của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng, không việc làm, không có thu nhập. Hình phạt chính áp dụng cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo,

qua đó bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới, nhận thức được những sai lầm khuyết điểm của bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại: 01 (một) căn cước công dân số 066030010282, 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 640149000509, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số 6622361473, 01 (một) thẻ sim điện thoại trên thẻ sim có dòng chữ và số: "898402000", "Vinaphone", "11604535334" cho ông Nông Văn D; 01 (một) xe mô tô mang BKS 48AC-019.38, đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị Kiều .

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nông Văn D, bà Hoàng Thị H đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo Lê Văn N, bị cáo Lục Đức Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Trong vụ án còn vấn đề khác:

Đối với Hoàng Ngọc H1 là người đăng ký chủ tài khoản số 01121419918855 ngân hàng TMCP Q1. Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành xác minh, điều tra nhưng hiện nay H1 không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được, do đó không có căn cứ xử lý.

Đối với việc Lục Đức Q biết Lê Văn N sử dụng điện thoại trộm cắp vào zalo của ông Nông Văn D rồi giả danh ông D nhắn tin mượn tiền người khác sau đó chiếm đoạt mà không tố giác. Tuy nhiên, hành vi của Lê Văn N chỉ bị khởi tố theo khoản 1 Điều 174 BLHS nên hành vi không tố giác tội phạm của Lục Đức Q không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Thị K là chủ sở hữu xe mô tô BKS48AC-019.38, ngày 18/10/2024 Lê Văn N sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội thì bà K không biết nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị cáo Lục Đức Q phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Áp dụng:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

2.2. Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

Bị cáo Lê Văn N phải chấp hành tổng hình phạt của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, là ngày 31/12/2024.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Đức Q 06 (sáu) tháng tù thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nông Văn D, bà Hoàng Thị H đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại: 01 (một) căn cước công dân số 066030010282, 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 640149000509, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số 6622361473, 01 (một) thẻ sim điện thoại trên thẻ sim có dòng chữ và số: "898402000", "Vinaphone", "11604535334" cho ông Nông Văn D; 01 (một) xe mô tô mang BKS 48AC-019.38, đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị Kiều .

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn N và bị cáo Lục Đức Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên

quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
-Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện Cư Jút;
-Chi cục THADS huyện Cư Jút;
-Bị cáo; bị hại; Người có QL&NVLQ;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Thị Hường